

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 38/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 24/8/2020

*V/v Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Chiêu Hùng.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Triệu Khánh Long

2/ Bà Nguyễn Huỳnh Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Đô - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệp - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24/8/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 150/2020/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 5 năm 2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05/8/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Thạch Thị Ngọc S**, sinh năm 1991;

Địa chỉ: phường H, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- Bị đơn: Anh **Kim N**, sinh năm 1991;

Địa chỉ: phường H, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

* Người phiên dịch tiếng Khmer: Ông **Sơn C** – Nơi công tác: Đài truyền thanh thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/5/2020 (Bl 01), biên bản lấy lời khai ngày 17/7/2020 (Bl 15) cũng như quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Thạch Thị Ngọc S trình bày: Vào năm 2016 chị Thạch Thị Ngọc S và anh Kim N có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đến UBND phường H để đăng ký kết hôn. Được UBND phường H cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 27/9/2017. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, nhưng đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống nên đến tháng

4/2020 thì chị S và anh N ly thân cho đến nay. Trong khoảng thời gian chung sống với nhau chị S và anh N có với nhau 01 người con tên Kim Thị Ánh N, (nữ) sinh ngày 26/9/2016. Về tài sản chung, nợ chung không có.

Nay chị S nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, không thể hàn gắn được nữa, mục đích hôn nhân không thành do đó yêu cầu Tòa giải quyết cho chị S được ly hôn với anh N. Về con chung: Chị S yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Kim Thị Ánh N, (nữ) sinh ngày 26/9/2016 đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa hôm nay bị đơn anh Kim N trình bày: Vào năm 2016 anh Kim N và chị Thạch Thị Ngọc S có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán đến năm 2017 có đến UBND phường H để đăng ký kết hôn. Được UBND phường H cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 27/9/2017. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, nhưng đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống nên đến tháng 4/2020 thì giữa anh N và chị S ly thân cho đến nay. Trong khoảng thời gian chung sống với nhau anh N và chị S có với nhau 01 người con tên Kim Thị Ánh N, (nữ) sinh ngày 26/9/2016 hiện cháu đang sống với mẹ. Về tài sản chung, nợ chung không có.

Nay chị S yêu cầu ly hôn với anh N thì anh N không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ, thương con mong hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Nếu trường hợp Tòa án chấp nhận giải quyết cho ly hôn thì anh N không đồng ý, đối với con chung anh N đồng ý giao cho chị S nuôi dưỡng, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đối với bị đơn còn vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, đề nghị Tòa án chấp nhận cho chị S được ly hôn với anh N, giao con chung Kim Thị Ánh N, (nữ) sinh ngày 26/9/2016 cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ghi nhận sự tự nguyện của chị S không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung các đương sự khẳng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 21/5/2020 chị Thạch Thị Ngọc S yêu cầu được ly hôn với anh Kim N có nơi cư trú tại số nhà 200, khóm Lầm Thiết, phường Khánh Hòa, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa

án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị Ngọc S nhận thấy chị S và anh N tự nguyện kết hôn với nhau năm 2016, có tổ chức lễ cưới, đến năm 2017 có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 27/9/2017. Quan hệ hôn nhân của chị S và anh N không vi phạm các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nhưng sau một thời gian chung sống, đến năm 2018 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính tình vợ chồng không còn hòa hợp với nhau thường hay xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau. Chị S nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, không còn tình cảm vợ chồng với anh N nên có nguyện vọng ly hôn. Chị S và anh N đã không còn chung sống với nhau từ tháng 4 năm 2020 đến nay. Đối với anh N thì không đồng ý ly hôn với chị S lý do còn thương vợ, thương con nên không muốn ly hôn, nhưng từ ngày ly thân cho tới nay thì vợ chồng không ai tới lui, chăm sóc nhau. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã phân tích, động viên chị S suy nghĩ lại, hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh N, nhưng chị S vẫn cương quyết ly hôn, từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị S được ly hôn với anh N.

[3] Về con chung: Thời gian chung sống với nhau chị S và anh N có 01 con chung tên Kim Thị Ánh N, (nữ) sinh ngày 26/9/2016 hiện đang chung sống với chị S. Chị S yêu cầu được nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung, do từ ngày ly thân cho tới nay chị S là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, để đảm bảo cuộc sống của cháu N không bị xáo trộn, để cháu phát triển bình thường về tâm, sinh lý nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, giao con chung cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng. Tại phiên tòa, chị S không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, chị S hiện có việc làm, thu nhập ổn định, đảm bảo đủ điều kiện nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị S không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự khẳng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Các đương sự khẳng định nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Lời trình bày của bị đơn không đồng ý ly hôn là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[7] Án phí sơ thẩm: Chị S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thạch Thị Ngọc S đối với bị đơn anh Kim N.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Thạch Thị Ngọc S được ly hôn với anh Kim N.

- Về con chung: Giao con chung Kim Thị Ánh N, (nữ) sinh ngày 26/9/2016 cho chị Thạch Thị Ngọc S trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Anh Kim N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Kim N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh N không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Kim Thị Ánh N của chị Thạch Thị Ngọc S thì chị S có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom.

- Về tài sản chung: Các đương sự khẳng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Các đương sự khẳng định nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí sơ thẩm: Chị Thạch Thị Ngọc S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị S đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số 0003883, ngày 29/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, chị S đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí. Anh Kim N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Dương sự;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- UBND phường H;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Dương Chiêu Hùng